TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/ DS-PT
Ngày: 13/6/2019
Về tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thuý**
Các Thẩm phán: **Ông Vũ Viết Văn**
Bà Trần Thị Liên Anh
Đại diện VKSND thành phố Hà Nội: **Bà Phạm Tú Anh – KSV**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Phạm Thái An**

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLPT – DS ngày 11 tháng 02 năm 2019. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS – ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dânquận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXX – PT ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2019/QĐPT – HPT ngày 20 tháng 05 năm 2019; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Thạch Thị D sinh năm: 1951**;** Địa chỉ: số 15 ngõ 163 đường Hồng H, phường Phúc X, quận **B**, Hà Nội. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thị N - Công ty luật TNHH P - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị S sinh năm: 1940.(vắng mặt)
2. Anh Thạch Văn Kh sinh năm: 1963. (có mặt)
3. Chị Trần Thị Ph sinh năm: 1969. (vắng mặt)
4. Anh Thạch Văn H sinh năm: 1968. (có mặt)
5. Chị Bùi Thúy Q sinh năm:1969. (vắng mặt)
6. Anh Thạch Văn H sinh năm:1970. (có mặt)
7. Chị Nguyễn Thị T sinh năm: 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 9 phố H, phường H, quận H, Hà Nội.

8. Anh Thạch Văn L; sinh năm: 1961; Hộ khẩu thường trú: số 9 phố H, phường H, quận H, Hà Nội; Hiện ở: Số 59 phố H, phường H, Q. H, Hà Nội. (có mặt)

9. Chị Chu Thị Thu A , sinh năm: 1965; HKTT: Số 4 phố Đ, phường H, quận H, Hà Nội; Hiện ở: số 59 phố H, H, quận H, Hà Nội. (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thu Anh: Luật sư Hoàng Danh Tr - Văn phòng Luật sư Quốc tế B - Đoàn Luật sư Tp. Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Thạch Thị Th, sinh năm: 1938; địa chỉ: số 58 phố H, phường H, quận H, Hà Nội. (có mặt)

2. Bà Thạch Thị Nh, sinh năm 1947; địa chỉ: số 4 ngõ 138 phố Tân Ấp, phường Phúc X, quận **B**, Hà Nội. (có mặt)

3. Ông Thạch Văn C sinh năm:1943. (có mặt)

4. Bà Lê Thị Minh Ng sinh năm:1955. (có mặt)

5. Ông Thạch Văn L sinh năm:1954. (có mặt)

6. Ông Thạch Văn V sinh năm:1956. (có mặt)

7. Bà La Thục A sinh năm: 1959. (có mặt)

8. Ông Thạch Văn M sinh năm: 1959.

9. Bà Chu Thị Thu Th sinh năm:1965. (có mặt)

Ông M ủy quyền cho bà Chu Thị Thu Th đại diện.

Cùng địa chỉ: Số 9 phố H, phường H, quận H, Hà Nội.

10. Bà Thạch Thị Th, sinh năm: 1945, HKTT: Số 9 phố H, phường H, H, Hà Nội. Bà T bị mất năng lực hành vi dân sự.

Người giám hộ của bà T: Anh Phan Sĩ Hải, sinh năm: 1973, Hộ khẩu thường trú: số 9 phố H, phường H, H, Hà Nội. (Theo Quyết định cử người giám hộ số 01/TLGH của Ủy ban nhân dân phường H ngày 25/01/2018) (có mặt)

11. Chị Thạnh Thu Tr; sinh năm: 1984. (vắng mặt)

12. Anh Thạch Văn D; sinh năm: 1991. (vắng mặt)

13. Cháu Nguyễn Ngọc L; sinh năm: 2011. (vắng mặt)

Cháu Ldo chị Tr giám hộ.

14. Anh Thạnh Minh T; sinh năm: 1991.

15. Chị Thạch Kim H; sinh năm: 1985.

16. Chị Thạch Tố U; sinh năm: 1993.

17. Chị Thạch Thu H; sinh năm: 1988.

18. Cháu Nguyễn Hà V sinh năm: 2011.

19. Cháu Tô Bình M; sinh năm: 2015.

Cháu V và cháu M do chị H giám hộ.

20. Chị Phan Thúy H; sinh năm: 1976. (có mặt)

21. Cháu Nguyễn Duy Đ; sinh năm: 2001.

22. Cháu Nguyễn Ngọc Minh Ch sinh năm: 2007.

Cháu Đ và cháu Ch do chị H giám hộ.

23. Anh Phan Sĩ H; sinh năm: 1973(có mặt)

24. Chị Hoàng Thị Thu H; sinh năm: 1980. (vắng mặt)

25. Cháu Phan Mạnh D; sinh năm: 2008.

26. Cháu Phan Duy A; sinh năm: 2014.

Cháu D và cháu A do anh H và chị H giám hộ.

27. Anh Thạch Minh Th, sinh năm: 1985(có mặt)

28. Chị Nguyễn Thị H sinh năm: 1987(vắng mặt).

29. Chị Thạnh Phương Ng sinh năm: 1990. (vắng mặt)

30. Cháu Thạch Đức M, sinh năm: 2002.

Cháu M do anh H và chị Q giám hộ.

Cùng địa chỉ: Số 9 phố H, phường H, Q. H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của: bà D, bà Th, bà Nh, ông V, ông C: bà Trần Thị O, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 5, TT 9, khu đô thị Tasco X, phường X, quận N, Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Thạch Thị Nh, Thạch Thị D, Thạch Thị Th, ông Thạch Văn C, Thạch Văn V, chị Chu Thị Thu A, anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh**, chị Chu Thị Thu Th

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

NỘI D **VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội D **như sau:**

Bố mẹ nguyên đơn là: Cụ Thạch Văn Ch và cụ Nguyễn Thị T, hai cụ có 10 người con đẻ là:

1. Thạch Thị Th
2. Thạch Như Th (chết 2011, có vợ là bà **Nguyễn Thị S** và 4 con là Thạch Văn L, **Thạch Văn Kh**, Thạch Văn H, Thạch Văn Hùng)
3. Thạch Văn C
4. Thạch Thị Th
5. Thạch Thị Nh
6. Thạch Văn Li (chết 2017, có vợ là Ngọc, không có con)
7. Thạch Thị D
8. Thạch Văn L
9. Thạch Văn V
10. Thạch Văn Mười

Hai cụ có 02 khối tài sản là:

- Nhà 2 tầng tại số 9 phố H, quận H, Hà Nội trên diện tích 82 m2 đất (hiện do gia đình Ông Th, bà D, ông M, ông V, bà Nh, bà T, ông C,bà Th sử dụng)

- Nhà, đất (gồm 3 gian nhà ngang, 3 gian nhà thờ cùng sân, vườn trên 448 m2 đất tại thửa 131, TBĐ số 11 thôn 3 xã N, G, Hà Nội.

Cụ Ch chết ngày 17/2/1988; cụ T chết năm 2000.

Nguyên đơn là bà Thạch Thị D cho rằng cụ Ch, cụ T trước khi chết không để lại di chúc, di chúc mà phía bị đơn xuất trình theo nguyên đơn là giả, không có thật. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ch, cụ T là nhà đất tại số

9 phố H, quận H, Hà Nội theo pháp luật và xin hưởng bằng hiện vật, chia cho các thừa kế khác bằng giá trị.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S và anh Thạch Văn L**, anh Thạch Văn Kh, chị** Chu Thị Thu A **có lời khai:** không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn vì cho rằng cụ Ch và cụ T trước khi chết có để lại chúc thư về việc phân chia nhà, đất của các cụ để lại.

Anh L, anh Kh và chị Thu Anh có đơn phản tố (BL260) đề nghị Tòa án chia thừa kế theo chúc thư do cụ Ch và cụ T lập chung ngày 23/8/1980 và được UBND phường H xác nhận chữ ký của cụ T vào ngày 23/8/1988 và đề nghị hưởng bằng hiện vật.

Nội D chúc thư thể hiện việc phân chia nhà, đất tại số 9 H và tại thửa 131, TBĐ số 11 thôn 3 xã N, G, Hà Nội như sau:

*Nhà đất tại N:

- Chia cho Ông L1: 3 gian nhà thờ, 3 gian nhà ngang, sân, giếng nước và ủy nhiệm cho bà Nguyễn Thị H là vợ Ông L1 quản lý.
- Phần vườn chia 3 phần: chia cho ông C 2 phần, chia cho ông M một phần.

*Nhà 9 H:

- Phần cửa hàng mặt phố: ½ bên phải chia cho vợ chồng Ông Th; ½ bên trái chia cho 3 chị em Bà S, Thành, Nhã và giao cho Ông L1 quản lý, khi nào Ông L1 về quê thì giao lại cho 3 bà và 3 bà phải trả công hợp lý cho Ông L1.
- Phần trên gác cửa hàng giao cho vợ chồng Ông Th.
- Phần bên trong gồm 2 buồng:
  - Tầng 1

+ Buồng ngoài và gác xép: chia cho ông L2 và ông L2 phải trích ¼ Diện tích buồng làm lối đi vào buồng trong.

+ Buồng trong + gác xép: Chia cho ông M; ông M được sử dụng phàn lối đi qua buồng ngoài do ông L2 cắt lại.

- Tầng gác:

  + Buồng phía trái và sân thượng: Giao cho ông V

  + Buồng phía phải: Là của bà T làm, giao cho bà T.

*Trách nhiệm: Ông Th có trách nhiệm chăm lo, phụng dưỡng bố mẹ khi già, chết và lo cho các em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông L2 và Ông L1 đề nghị Tòa án công nhận di chúc của 2 cụ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nh, bà Th, ông V, ông C đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị hưởng thừa kế về nhà đất tại số 9 H bằng hiện vật và không công nhận di chúc do bị đơn xuất trình.

Ông L1 khai: Di chúc của các cụ là sự thật. Ông được các cụ giao cho giữ bản di chúc sau đó ông đưa lại cho Ông Th giữ.

Bà Ngọc có lời khai để lại phần thừa kế của mình cho anh H1.

Bà Thủy đề nghị nhận thừa kế bằng hiện vật.

Bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Thạch Thị D.

2. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố chia thừa kế theo di chúc của anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh** và chị Chu Thị Thu A.

3. Xác định cụ Thạch Văn Ch chết ngày 17/02/1988. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Thạch Văn Ch vào ngày 17/02/1988.

4. Xác định cụ Nguyễn Thị T chết ngày 08/5/2000. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị T vào ngày 08/5/2000.

5. Xác định nhà số 9 phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội theo Chứng thư đoạn mại Bất động sản tại Hà Nội, mang Bằng khoán điền thổ số 1125 khu Nhà Thờ được Ban cán sự hành chính khu Cửa Đông thị thực vào ngày 10/6/1958 với diện tích thực tế là 81,5m2 là di sản của cụ Thạch Văn Ch và cụ Nguyễn Thị T có giá trị là 24.450.000.000 đồng.

6. Chia tài sản chung vợ chồng cụ Thạch Văn Ch và cụ Nguyễn Thị T theo tỷ lệ 50/50. Cụ Ch, cụ T mỗi người được chia 1/2 nhà số 9 phố H có giá trị là: 12.225.000.000 đồng.

7. Di chúc của cụ Thạch Văn Ch và cụ Nguyễn Thị T lập ngày 23/8/1980 đã được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký của cụ Nguyễn Thị T vào ngày 05/02/1988 hợp pháp một phần đối với cụ Nguyễn Thị T.

8. Xác định toàn bộ giá trị xây dựng nhà số 9 phố H là: 766.388.000 đồng.

9. Chia di sản thừa kế còn lại của cụ Thạch Văn Ch là : 12.225.000.000 đồng - 766.388.000 đồng = 11.458.612.000 đồng theo pháp luật. Cụ T, bà Th, Ông Th, ông C, bà T, bà Nh, ông L2, bà D, Ông L1, ông V và ông M mỗi người được hưởng thừa kế có giá trị là: 11.458.612.000 đồng: 11 = 1.041.692.000 đồng.

10. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T (phần được hưởng thừa kế của cụ Thạch Văn Ch) là: 1.041.692.000 đồng theo pháp luật. Bà Th, Ông Th, ông C, bà T, bà Nh, ông L2, bà D, Ông L1, ông V và ông M mỗi người được hưởng thừa kế có giá trị là: 1.041.692.000 đồng : 10 = 104.169.200 đồng.

11. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T theo di chúc. Cụ thể là:

11.1. Ông Th và vợ là Bà S cùng cháu đích tôn là anh L được phân chia 1/4 phòng bên phải kể từ phía trong trông ra phố có diện tích là: 6,165 m2, giá trị là: 1.109.700.000 đồng.

11.2. Bà Th, bà Nh và bà D được phân chia 1/4 phòng bên trái kể từ phía

trong trông ra phố có diện tích là: 6,165 m2, giá trị là: 1.109.700.000 đồng. Bà Th, bà Nh và bà D phải đài thọ cho Ông L1 số tiền là 100.000.000/người x 3 = 300.000.000 đồng.

11.3. Ông Th và vợ là Bà S được chia 1/2 tầng trên gác có diện tích là: 12,33m2, giá trị là: 1.479.600.000 đồng.

11.4. Ông L2 được phân chia 1/2 phòng trong tầng 1 bên phải từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.729.800.000 đồng.

11.5. Ông M được phân chia 1/2 phòng trong tầng 1 bên trái từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.729.800.000 đồng.

11.6. Ông V được phân chia 1/2 phòng trong tầng 2 bên trái từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.153.200.000 đồng.

11.7. Bà T được phân chia 1/2 phòng trong tầng 2 bên phải từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.153.200.000 đồng.

11.8. Ông Th, Bà S, anh L, bà Th, bà Nh, bà D, ông L2, ông M, ông V, bà T được chia phần sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1, mỗi người được hưởng là: 2.760.000.000 đồng: 10 = 276.000.000 đồng.

12. Xác định ông Thạch Văn Th chết ngày 20/6/2011. Kỷ phần thừa kế của Ông Th thì vợ là Bà S và 04 người con là: anh L, anh Kh, anh H và anh H1 được hưởng.

13. Xác định ông Thạch Văn Lợi chết ngày 01/02/2017. Kỷ phần thừa kế của ông L2 thì vợ là bà Ngọc được hưởng.

14. Tổng giá trị Bà S, anh L, anh Kh, anh H và anh H1 được chia là: 4.664.789.100 đồng.

15. Tổng giá trị bà Th, bà Nh và bà D được chia là: 5.375.283.600 đồng. Bà Th, bà Nh và bà D mỗi người được chia là: 1.791.761.200 đồng, mỗi người phải đài thọ cho Ông L1 là : 100.000.000 đồng.

16. Tổng giá trị bà Ngọc được chia là: 3.235.262.100 đồng.

17. Tổng giá trị ông M được chia là: 3.235.262.100 đồng.

18. Tổng giá trị bà T được chia là: 2.658.662.100 đồng.

19. Tổng giá trị ông V được chia là: 2.891.174.100 đồng.

20. Ông C được chia là: 1.145.861.200 đồng.

21. Ông L1 được chia là: 1.145.861.200 đồng. Ông L1 được bà Th, bà Nh và bà D mỗi người đài thọ số tiền là: 100.000.000 đồng.

22. Chia hiện vật cho Bà S, anh L, anh Kh, anh H và anh H1 diện tích nhà số 9 H là: {(1,2m + 1,77m) x 9,23m} + (2,3m x 6,16m) = 27,87m2, phía bên trái từ phố nhìn vào, cạnh nhà số 7 H. Diện tích đất được giao có giá trị là: 8.361.000.000 đồng.

23. Bà S, anh L, anh Kh, anh H và anh H1 phải thanh toán cho bà Lê Thị Minh Ng số tiền là: 3.235.262.100 đồng, phải thanh toán cho ông Thạch Văn Msố tiền là 460.948.800 đồng.

24. Chia hiện vật cho bà Th, ông C, bà T, bà Nh, bà D, Ông L1 và ông V diện tích nhà số 9 H là: 53,63 m2, phía bên phải từ phố nhìn vào, cạnh nhà số 11 H. Diện tích đất được giao có giá trị là: 16.089.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

25. Bà Th, ông C, bà T, bà Nh, bà D, Ông L1 và ông V phải thanh toán cho ông Thạch Văn Msố tiền là: 2.774.313.300 đồng.

26. Các đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đối với các diện tích đất được chia để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

27. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm bà Thạch Thị Nh, Thạch Thị D, Thạch Thị Th, ông Thạch Văn C, Thạch Văn V, chị Chu Thị Thu A, anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh**, chị Chu Thị Thu Th có kháng cáo; VKSNDTP. Hà Nội có kháng nghị.

Bà Thạch Thị Nh, Thạch Thị D, Thạch Thị Th, ông Thạch Văn C, Thạch Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì các lý do:

+ Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

1. Nguyên đơn không chấp nhận bản di chúc bị đơn xuất trình và nghi có sự giả mạo và có đơn đề nghị Tòa giám định di chúc nhưng Tòa sơ thẩm không giám định di chúc theo yêu cầu giám định của nguyên đơn;

2. Nhà 9 H gồm 2 tầng nhưng Tòa áp giá đất tầng 1 là 60%, tầng 2 là 40% không có cơ sở pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi các đương sự

3. Tòa không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ dẫn đến việc chia nhà, đất cho các đương sự không rõ ràng, rắc rối.

4.Tòa án xác định di chúc có giá trị 1 phần thì phải chia cả nhà, đất tại N cho các đương sự nhưng Tòa lại chỉ giải quyết theo di chúc đối với nhà 9 H mà không phân chia theo di chúc phần nhà, đất ở quê là không đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền lợi các thừa kế.

Chị Chu Thị Thu A, anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh**, chị Chu Thị Thu Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

Việc chia thừa kế nhà 9 H không hợp lý, không căn cứ vào tình trạng thực tế ăn ở của các bên đương sự, chia cho bị đơn diện tích nhà, đất có chiều mặt phố 1,2 m làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của bị đơn, không có tính khả thi.

Kháng nghị của VKSNDTP HN đề nghị hủy toàn bộ bản án với các lý do:

*Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng:

1. Không giám định di chúc theo yêu cầu của nguyên đơn;

2. Xác định thiếu di sản: Bị đơn phản tố yêu cầu công nhận và phân chia theo di chúc, đề nghị chia bằng hiện vật. Trong chúc thư nêu rõ về di sản gồm 2 khối nhà đất tại 9 H và tại N nhưng cấp sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết khối di sản là nhà 9 H là thiếu di sản.

3. Bà Nguyễn Thị H là vợ Ông L1 được di chúc chỉ định là người quản lý khối nhà, đất tại N nhưng không được tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng.

* Việc chia hiện vật không căn cứ vào hiện trạng các đương sự đang sử dụng, chia không theo di chúc nên không có tính khả thi.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình và không hòa giải được với nhau.

Luật sư Trần Thị Ngọc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày bản luận cứ đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận di chúc do bị đơn xuất trình, đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cả hai khối tài sản nhà đất tại số 9 H và tại Thôn 3 N.

Luật sư Hoàng Danh Tr bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thu A trình bày bản luận cứ đề nghị Tòa án: Chấp nhận đơn kháng cáo của chị Thu A, chấp nhận toàn bộ di chúc của cụ Ch và cụ T, bác yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận đơn phản tố của chị Thu A đề nghị chia thừa kế theo di chúc đối với cả hai khối tài sản nhà đất tại số 9 H và tại Thôn 3 N

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/12/2018 của Viện Kiểm sát Hà Nội; căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án quận H giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tr**anh L **tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Nguyên đơn là bà Thạch Thị D cho rằng cụ Ch và cụ T trước khi chết không để lại di chúc nên đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của 2 cụ theo pháp luật.

Phía bị đơn xuất trình chúc thư đề ngày 23/8/1980 có chữ ký tên Thạch Văn Ch và Nguyễn Thị T và UBND phường H xác nhận chữ ký của cụ T vào

ngày 05/02/1988 làm căn cứ để cho rằng trước khi chết, cụ Ch và cụ T đã có di chúc phân chia về nhà số 9 phố H và nhà đất tại thôn 3 xã N nên không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà số 9 phố H của nguyên đơn. Ngày 01/10/2008, bị đơn là anh Kh, anh L, chị Thu Anh có đơn phản tố đề nghị chia thừa kế theo di chúc nêu trên của cụ Ch, cụ T.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký của cụ T và cụ Ch trong di chúc mà phí bị đơn xuất trình. Tuy nhiên, theo kết luận giám định thì chữ ký của cụ Ch và cụ T trên bản chúc thư không có đủ cơ sở xác định có phải chữ ký của cụ Ch cụ T hay không?

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn vẫn không công nhận di chúc mà bị đơn xuất trình vì lý do: Chữ ký trên di chúc không phải là chữ ký của cụ Ch, cụ T vì kết luận giám định không khẳng định đó là chữ ký của hai cụ; việc UBND phường H chứng thực chữ ký của cụ T trên chúc thư trong khi cụ T và cụ Ch lập chúc thư chung từ cách đó gần 8 năm, nghĩa là cụ T không ký trước mặt người chứng thực nên di chúc không hợp lệ; tại thời điểm lập chúc thư ngày 23/8/1980 thì tình trạng nhà số 9 H không đúng với hiện trạng nhà số 9 H ghi trong di chúc.

Tại đơn trình bày về việc kháng cáo của chị Thu Anh, anh L ngày 22/5/2019 khai chị có yêu cầu phản tố chia thừa kế theo di chúc của cụ Ch và cụ T lập ngày 23/8/1980 trong đó có yêu cầu về chia theo di chúc cả nhà số 9 H và nhà đất tại thôn 3 xã N nhưng bản án sơ thẩm đã không xem xét hết yêu cầu phản tố của anh, chị.

Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay đều đề nghị Tòa án giải quyết phân chia thừa kế của cụ Ch và cụ T đối với cả 2 khối tài sản nhà, đất tại số 9 phố H và tại thôn 3 xã N: nguyên đơn là bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đề nghị chia 2 khối di sản này theo pháp luật; phía bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đề nghị chia thừa kế 2 khối di sản này theo chúc thư ngày 23/8/1980.

Xét thấy: Đơn phản tố của anh L, anh Kh, chị Thu A không đề cập rõ ràng, cụ thể về di sản yêu cầu Tòa giải quyết phân chia theo di chúc và Tòa cấp sơ thẩm cũng chưa cho bị đơn anh L, chị Thu Anh, anh Kh làm thủ tục phản tố theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết chia thừa kế đối với cả 2 khối tài sản được coi là yêu cầu mới phát sinh sau khi có bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, để đảm bảo việc giải quyết vụ án triệt để và thuận tiện cho việc giải quyết vấn đề công sức duy trì, tôn tạo di sản của các cụ cũng như công sức chăm sóc các cụ khi về già, ma chay cho các cụ khi chết cũng như để đảm bảo giải quyết về vấn đề chỗ ở và quyền được phân chia hiện vật của tất cả các đương sự thì cần chấp nhận đề nghị của các đương

sự tại phiên tòa hôm nay thì cần phải xem xét, giải quyết cả về 2 khối tài sản nhà, đất tại số 9 phố H và tại thôn 3 xã N.

Để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử nên cần chấp nhận Kháng nghị của VKSNDTP Hà Nội: hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án quận H để giải quyết, xét xử lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm để thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của anh L, anh Kh, chị Thu Anh theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với việc chia thừa kế 2 khối di sản nhà đất tại số 9 H và thôn 3 xã N.

Khi giải quyết về việc phân chia 2 khối di sản này cần đưa bà Hồng-vợ Ông L1 là người được chỉ định quản lý khối di sản nhà, đất tại thôn 3 xã N và những người đang quản lý, sử dụng nhà đất tại thôn 3 xã N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cần xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ để xác định chúc thư đề ngày 23/8/1980 có đúng là của cụ Ch và cụ T lập không? Chữ ký của cụ T, cụ Ch trên hai bản chúc thư này được ký từ khi nào? Lý do tại sao cụ Ch không yêu cầu chứng thực chữ ký của cụ trên chúc thư cùng cụ T? hiện trạng 2 khối di sản tại thời điểm lập chúc thư có đúng như phản ánh trong bản chúc thư không? Để từ đó đánh giá tính hợp pháp của bản chúc thư này, trên cơ sở đó mà chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật hay chia thừa kế theo di chúc của các bên đương sự.

Về án phí DSST: Sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử sơ thẩm lại.

Về án phí DSPT: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự có kháng cáo được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 13 và 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận H để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung theo hướng nhận định trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Được quyết định khi Tòa xét xử sơ thẩm lại vụ án

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thạch Thị Nh, Thạch Thị D, Thạch Thị Th, ông Thạch Văn C, Thạch Văn V, chị Chu Thị Thu A, anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh**, chị Chu Thị Thu Th mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các BL số 0002742; 000 2743; 000 2744; 000 2745 cùng ngày 10/12/2019 và các BL số 0002746; 0002747; 0002748; 0002749; 0002750 cùng ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/6/2019.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp. Hà Nội;*
- *Chi cục THADS quận H;*
- *TAND quận H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy

Ngày 26/5/2018 Công ty cổ phần tư vấn đo đạc bản đồ và địa chính Hà Nội đã tiến hành đo vẽ nhà số 9 H có tổng diện tích là 81,5m2. Hội đồng định giá đã định giá như sau:

- Căn cứ quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định giá xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ vào giá trị sử dụng còn lại của thời điểm định giá:

+ Tầng 1 nhà mặt đường có giá xây mới là 5.932.649đồng/m2;

(3,53m + 4,83m) : 2 X 5,9m = **24,66m2.**

24,66m2 X 5.932.649đồng/m2 X 60% = 87.891.000đồng.

+ Gác xép bê tông: 4,15m X 3,25m x 946.000đồng/m2 X 60% = 7.655.000đồng.

+ Tầng 2 và vệ sinh: 4,6m X 4,15m + 2m2 = 21,1m2.

21,1m2 X 5.932.649đồng/m2 X 80% = 100.143.000đồng.

+ Sân và khu vệ sinh: (5,34m + 5,7m) : 2 X 3,33m = **18,4 m2.**

18,4 m2 X 1.713.568đồng/m2 X 60% = 18.917.000 đồng.

+ Nhà phía trong tầng 1 : 6,2m X 6,2m = 38,44m2.

38,44 m2 X 5.932.649đồng/m2 X 70% = 159.635.000đồng.

+ Nhà phía trong tầng 2 : 6,2m X 6,2m = **38,44m2.**

38,44m2 X 5.932.649đồng/m2 X 70% = 159.635.000đồng.

+ Nhà phía trong tầng 3+ tầng 4 :

- 38,44m2 X 2 tầng = 76,88m2
- (6,2m X 1,7m) X 2 tầng = 21,1m2
- (76,88m2 + 21,1m2) X 5.932.649đồng/m2 X 40% = 232.512.000đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 9 H là: 300.000.000đồng/1m2.

Tại phiên tòa: Bà D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Ch và cụ T là nhà số 9 H và nhận bằng hiện vật. Chúc thư của cụ Ch và cụ T lập ngày 23/8/1980 đã được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký của cụ T vào ngày 05/02/1988 là không hợp pháp, không phải chữ viết trong Chúc thư của cụ Ch và cụ T. Chúc thư này không đúng ý nguyện của các cụ. Đề nghị Tòa án bác bỏ Chúc thư.

Anh L, anh Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế theo di chúc di sản của cụ Ch và cụ T là nhà số 9 H. Chúc thư của cụ Ch và cụ T đã lập là di chúc hợp pháp. Đề nghị cho gia đình Bà S và các anh được mua lại nhà số 9 H từ các thừa kế khác theo giá thị trường để giữ lại nhà và nơi thờ cúng các cụ.

Luật sư Trung: Căn cứ Thông tư 81 ngày 24/7/1981 hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế, Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990 của Hội đồng nhà nước và Bộ luật dân sự 2015 thì Chúc thư của cụ Ch và cụ T lập ngày 23/8/1980 đã được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký của cụ T vào ngày

05/02/1988 là di chúc hợp pháp. Đề nghị của gia đình Bà S và anh L xin được mua lại nhà số 9 H từ các thừa kế khác theo giá thị trường để giữ lại nhà và nơi thờ cúng các cụ là phù hợp với quy định pháp luật mong hội đồng xét xử xem xét.

Bà Th, ông C, bà Nh, ông V nhất trí với ý kiến bà D.

Ông L1 và anh Kh trình bày là biết việc các cụ nhờ người khác lập di chúc chứ cụ Ch và cụ T không viết Chúc thư này.

Bà Ngọc để lại phần thừa kế bằng hiện vật cho anh H1.

Bà Thủy đề nghị nhận thừa kế bằng hiện vật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội:*

- Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc để vụ án quá thời hạn chuyển bị xét xử cần rút kinh nghiệm.

- *Về Nội D:*

Di sản thừa kế nhà số 9 H thuộc sở hữu của hai cụ Thạch Văn Ch và Nguyễn Thị T:

Về " Chúc thư" do bị đơn xuất trình, Chúc thư được lập ngày 23/8/1980 và được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận chữ ký của cụ T vào ngày 05/02/1988 trong đó có nội D về việc phân chia nhà đất tại số 09 H. Xét về thực tế, mặc dù nguyên đơn và một số người liên quan không thừa nhận Chúc thư, tuy nhiên căn cứ lời khai của Ông L1, ông Khánh tại phiên toà phù hợp với nhau về việc nhờ người viết Chúc thư, diễn biến quá trình lập, công bố Chúc thư. Có thể nhận thấy việc lập Chúc thư là có thật. Xét tính pháp lý, Chúc thư được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận chữ ký của cụ T năm 1988, căn cứ quy định tại Thông tư 81 ngày 24/7/1981 hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế thì Chúc thư trên là di chúc chung của hai cụ Ch và Tám có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng chỉ xác nhận chữ ký của cụ T, không có xác nhận chữ ký của cụ Ch. Điều đó có thể giải thích rằng cụ T là người ký vào Chúc thư trước mặt Ủy ban nhân dân phường H và được chứng nhận. Cụ Ch có chữ ký tại chúc thư nhưng không được chứng nhận nên không có căn cứ xác định đó là ý chí thật của cụ Ch. Ngoài ra, không có người làm chứng nào khác, các đương sự cũng không thống nhất thừa nhận. Do đó, Chúc thư chỉ có hiệu lực 1 phần đối với phần định đoạt của cụ T là ½ nhà đất tại số 09 H (vì nhà đất tại 09 H là tài sản chung vợ chồng của hai cụ) và phần di sản cụ T được thừa kế từ cụ Ch.

Nội D phân chia di sản theo Chúc thư của cụ Ch không được công nhận nên sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch gồm: Cụ T, bà Th, Ông Th (nay là vợ và các con thế vị), ông C, bà T, bà Nh, ông L2 (nay là bà Ngọc thế vị), bà D, Ông L1, ông V, ông M.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Tranh chấp về thừa kế tài sản là nhà số 9 H tại quận H nên Tòa án nhân dân quận H giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/10/2017 Ủy ban nhân dân phường H hòa giải tranh chấp đất đai tại nhà số 9 H nhưng không thành.

Ngày 07/02/2018 bà D khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật di sản nhà số 9 H của cụ Ch (chết ngày 17/02/1988) và vợ cụ T (chết ngày 08/5/2000) là đúng quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990 của Hội đồng nhà nước.

Ngày 03/10/2018 anh L, anh Kh, chị Thu Anh có đơn yêu cầu phản tố là: Công nhận di chúc của cụ Ch và cụ T có xác nhận vào ngày 05/02/1988 và gia đình Bà S xin lấy bằng hiện vật. Yêu cầu này của các anh chị là muốn chia thừa kế nhà số 9 H theo di chúc của cụ Ch và cụ T nên không phải nộp tạm ứng án phí và sẽ được xem xét giải quyết ngay trong vụ án.

Các đương sự là Bà S, chị Phương, chị Quỳnh, chị Tuyết, anh Hải, chị Trang, anh Duy, anh Tuấn, chị Hoàng Thị Thu Hà, chị Hương, chị Nga là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt đầy đủ, đúng quy định các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng họ vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***- Về nội** D:*

Cụ Ch (sinh năm 1907, chết ngày 17/02/1988) và vợ là cụ T {sinh năm 1915 (giấy chứng tử ghi năm 1912), chết ngày 08/5/2000}. Các cụ sinh được được 10 người con là: bà Th, Ông Th (sinh năm 1940, chết ngày 20/6/2011), ông C, bà T, bà Nh, ông L2 (sinh năm 1949, chết ngày 01/02/2017), bà D, Ông L1, ông V và ông M. Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con chung nào khác. Ông Th có vợ là Bà S và 04 người con trai: anh L, anh Kh, anh H và anh H1. Ông L2 có vợ là bà Ngọc, không có con chung. Các đương sự nhất trí ý kiến trình bày trên nên tòa công nhận.

Theo Chứng thư đoạn mại Bất động sản tại Hà Nội, nhà số 9 phố H mang Bằng khoán điền thổ số 1125 khu Nhà Thờ được Ban cán sự hành chính khu Cửa Đông thị thực vào ngày 10/6/1958 giữa bên bán là cụ Trần Thị Hoan, bà Thẩm Thị Ngọ, ông Nguyễn Đình Dụ và ông Thẩm Khắc Tốn và bên mua là ông Thạch Văn Ch và bà Nguyễn Thị T. Bên bán đã bán nhà số 9 phố H cho bên mua là nhà 01 tầng, tường gạch, trên thửa đất tư diện tích 82m2, ghi vào sổ địa chính số 1056, khu C, tờ số 14.

Theo Công văn số 4250/SXD-PC ngày 22/5/2018 của Sở xây dựng Hà

Nội thì: "Theo sổ nhà cửa thể hiện: Ngôi nhà số 9 phố H mang Bằng khoán điền thổ số 1125 khu Nhà Thờ đứng tên sở hữu chủ Thạch Văn Ch vợ là Nguyễn Thị T có diện tích sử dụng nhà 33,0m2". Theo danh sách hồ sơ thuộc diện nhà chính sách: Cải tạo, vắng chủ và Sở danh bạ Công tư hợp dO thì không thấy có số nhà 9 phố H.

Theo Công văn số 501/XNHK-QLN ngày 06/9/2018 của Xí nghiệp quản lý và phát triển nhà H thì: "Nhà số 9 phố H là nhà gạch 1 tầng, mang Bằng khoán điền thổ số 1125 khu Nhà Thờ, diện tích 33,0m2, chủ sở hữu cũ Thạch Văn Ch - Nguyễn Thị T. Nhà thuộc diện tư nhân, Xí nghiệp không quản lý, ký hợp đồng thuê nhà tại đây".

Ngày 26/5/2018 đã tiến hành đo vẽ nhà số 9 phố H có diện tích thực tế là 81,5m2. Tại Biên bản làm việc ngày 06/9/2018, Ủy ban nhân dân phường H cho biết: Nhà số 9 phố H không có tranh chấp với các hộ liền kề. Chỉ tranh chấp trong nội bộ gia đình giữa các thành viên với nhau. Nguyện vọng chung là sớm được Tòa án giải quyết trên cơ sở pháp luật và đạo đức xã hội. Như vậy, nhà 9 phố H có diện tích bé đi là 0,5 m2, nhưng không tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề, từ năm 1958 đến nay gia đình cụ Ch, cụ T đã sinh sống ổn định. Do vây, xác định nhà 9 phố H có diện tích thực tế là 81,5m2 để chia thừa kế cho các đương sự là tạo sự ổn định về việc quản lý nhà đất tại địa phương và trật tự xã hội.

Nhà số 9 phố H trên là di sản của cụ Ch và vợ là cụ T để lại. Chia tài sản chung vợ chồng cụ Ch, cụ T theo tỷ lệ 50/50. Cụ Ch, cụ T mỗi người được chia 1/2 nhà số 9 phố H trên.

Xét Chúc thư của cụ Ch và cụ T lập ngày 23/8/1980 đã được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký của cụ T vào ngày 05/02/1988 thấy rằng: Chúc thư này đã ghi rõ các nội D chủ yếu theo Điều 631 Bộ luật tố tụng dân sự, Chúc thư này chỉ có cụ T được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký theo Điều 635 Bộ luật tố tụng dân sự, còn cụ Ch thì không có chứng nhận chữ ký. Nội D di chúc và các sự việc viết trong di chúc chứng tỏ cụ T khi lập di chúc minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Nội D di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Xét về thực tế, mặc dù nguyên đơn và một số người liên quan không thừa nhận Chúc thư, tuy nhiên căn cứ lời khai của Ông L1, ông Khánh tại phiên toà phù hợp với nhau về việc nhờ người viết Chúc thư, diễn biến quá trình lập Chúc thư, các đương sự đều thừa nhận chữ viết trong Chúc thư không phải của cụ Ch, cụ T.

Vì vậy, Chúc thư của cụ Ch và cụ T lập ngày 23/8/1980 đã được Ủy ban nhân dân phường H chứng nhận chữ ký của cụ T vào ngày 05/02/1988 là hợp pháp một phần đối với cụ T.

Phần Chúc thư của cụ Ch lập ngày 23/8/1980 không phải chữ viết là của cụ Ch, không có chứng nhận của Ủy ban nhân dân phường H về chữ ký của cụ Ch, cho nên phần Chúc thư của cụ Ch không tuân thủ Thông tư 81 ngày 24/7/1981 hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế, Điều 17 Pháp lệnh

Thừa kế ngày 30/8/1990 của Hội đồng nhà nước và các Điều 630; 633 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, phần Chúc thư của cụ Ch lập ngày 23/8/1980 không hợp pháp.

Từ phân tích nêu trên, tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Ch. Chia thừa kế theo di chúc di sản của cụ T.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Ch cho: Cụ T, bà Th, Ông Th, ông C, bà T, bà Nh, ông L2, bà D, Ông L1, ông V và ông M. Do cụ T không có di chúc về phần di sản cụ T được thừa kế theo pháp luật của cụ Ch, nên phần di sản này chia theo thừa kế theo pháp luật. Bà Th, Ông Th, ông C, bà T, bà Nh, ông L2, bà D, Ông L1, ông V và ông M được hưởng thừa kế theo pháp luật phần di sản cụ T được thừa kế theo pháp luật của cụ Ch.

Cụ Ch chia các tài sản của cụ tại tầng 1 và tầng 2 nhà số 9 H cho các thừa kế nhưng không nêu rõ về giá trị Quyền sử dụng đất tại các tầng. Cho nên, Hội đồng xét xử áp giá trị tầng 1 bằng 60% giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tầng 2 bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp và đảm bảo quyền lợi các đương sự. Cụ thể giá trị di sản của cụ Ch như sau:

1. 1/4 phòng bên phải kể từ phía trong trông ra phố có giá trị là: 6,165 m2 x 60% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.109.700.000 đồng.

2. 1/4 phòng bên trái kể từ phía trong trông ra phố có giá trị là: 6,165 m2 x 60% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.109.700.000 đồng.

3. 1/2 tầng trên gác có giá trị là: 12,33m2 x 40% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.479.600.000 đồng.

4. 1/2 phòng trong tầng 1 bên phải từ đường phố vào có giá trị là: 9,61 m2 x 60% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.729.800.000 đồng.

5. 1/2 phòng trong tầng 1 bên trái từ đường phố vào có giá trị là: 9,61 m2 x 60% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.729.800.000 đồng.

6. 1/2 phòng trong tầng 2 bên trái từ đường phố vào có giá trị là: 9,61 m2 x 40% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.153.200.000 đồng.

7. 1/2 phòng trong tầng 2 bên phải từ đường phố vào có giá trị là: 9,61 m2 40% x 300.000.000 đồng/m2 = 1.153.200.000 đồng.

8. 1/2 được phần sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 là: 18,4 m2 : 2 = 9,2 m2, có giá trị là: 9,2 m2 x 100% x 300.000.000 đồng/m2 = 2.760.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 1.109.700.000 đồng + 1.109.700.000 đồng + 1.479.600.000 đồng + 1.729.800.000 đồng + 1.729.800.000 đồng + 1.153.200.000 đồng + 1.153.200.000 đồng + 2.760.000.000 đồng = 12.225.000.000 đồng.

Nhà số 9 H là nhà 02 tầng xây dựng từ trước khi lập chúc thư năm 1980 đã lâu và dột nát. Nay các hộ gia đình sinh sống và cải tạo xây dựng mới để ăn ở, thì được tòa tính giá trị tài sản trên đất của các hộ gia đình đã xây dựng như trong Biên bản định giá trên trừ vào di sản thừa kế của cụ Ch. Do chia thừa kế bằng hiện vật nên tài sản trên đất không thể sử dụng được nữa, các đương sự được phân chia sửa chữa xây dựng lại để đảm bảo cuộc sống.

Tổng cộng giá trị xây dựng là: 87.891.000đồng + 7.655.000đồng + 100.143.000đồng + 18.917.000 đồng + 159.635.000đồng + 159.635.000đồng + 232.512.000đồng = 766.388.000 đồng.

Giá trị di sản thừa kế của cụ Ch còn lại là: 12.225.000.000 đồng - 766.388.000 đồng = 11.458.612.000 đồng.

Cụ T được chia 1/2 nhà số 9 H nên các thừa kế theo di chúc của cụ T chỉ được hưởng 1/2 những vấn đề đã được nêu trong Chúc thư, cụ thể như sau:

1. Ông Th và vợ là Bà S cùng cháu đích tôn là Luận được phân chia 1/4 phòng bên phải từ nhà trông ra là cửa hàng có diện tích là: 6,165 m2, giá trị là: 1.109.700.000 đồng.

2. Bà Th, bà Nh và bà D được phân chia 1/4 phòng bên trái từ nhà trông ra là cửa hàng có diện tích là: 6,165 m2, giá trị là: 1.109.700.000 đồng. Bà Th, bà Nh và bà D phải đài thọ cho Ông L1 số tiền là 100.000.000/người x 3 = 300.000.000 đồng.

3. 1/2 tầng trên gác chia cho Ông Th, Bà S có diện tích là: 12,33m2, giá trị là: 1.479.600.000 đồng.

4. Ông L2 được phân chia 1/2 phòng trong tầng 1 bên phải từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.729.800.000 đồng.

5. Ông M được phân chia 1/2 phòng trong tầng 1 bên trái từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.729.800.000 đồng.

6. Ông V được phân chia 1/2 phòng trong tầng 2 bên trái từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.153.200.000 đồng.

7. Bà T được phân chia 1/2 phòng trong tầng 2 bên phải từ đường phố vào có diện tích là: 9,61 m2, giá trị là: 1.153.200.000 đồng.

8. Ông Th, Bà S, anh L, bà Th, bà Nh, bà D, ông L2, ông M, ông V, bà T được chia phần sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 là: 9,2 m2 x 100% x 300.000.000 đồng/m2 = 2.760.000.000 đồng.

Kỷ phần thừa kế của Ông Th thì vợ là Bà S và 04 người con là: anh L, anh Kh, anh H và anh H1 được hưởng. Kỷ phần của ông L2 thì vợ là bà Ngọc được hưởng.

Do bà T bị mất năng lực hành vi dân sự nên không có khả năng lao động. Tuy nhiên cụ T để lại phần thừa kế của bà T nhiều hơn 2/3 của 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật nên không áp dụng Điều 644 Bộ luật dân sự trong vụ án này.

Bà Th, ông C, giám hộ cho bà T là anh Hải, bà Nh, bà D, Ông L1, ông V xin chia chung vào một khối nên tòa chấp nhận.

Bà Ngọc để lại phần thừa kế bằng hiện vật cho anh H1 tòa chấp nhận. Gia đình ông M chỉ còn ông M sinh sống tại số 9 H. Việc chia hiện vật cho ông M thì diện tích nhỏ không khả thi. Chia cho ông M bằng giá trị là phù hợp. Bà Thủy có trách nhiệm chăm sóc cho ông M và gia đình.

Không tính công sức quản lý di sản và các đề nghị khác vì các đương sự ở nhà số 9 H đã kinh dO, sinh sống, khai thác giá trị tài sản và được tính tiền xây dựng.

Như vậy, các đương sự được chia cụ thể là:

1. Bà S, anh L, anh Kh, anh H và anh H1 được chia là: 1/4 tầng 1 có giá trị là: 1.109.700.000 đồng; Tầng 2 có giá trị là: 1.479.600.000 đồng; Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 9,2 m2: 10 x 300.000.000 đồng/m2 x 3 = 828.000.000 đồng; 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật (phần cụ Ch và phần cụ T hưởng thừa kế của cụ Ch) là: 1.145.861.200 đồng; Chia phần xây dựng có giá trị là: (87.891.000đồng + 7.655.000đồng + 100.143.000đồng) : 2 + (18.917.000 đồng : 5) = 101.627.900 đồng. Tổng cộng là: 4.664.789.100 đồng, tương đương với 15,55m2.

2. Bà Th, bà Nh và bà D được phân chia: 1/4 tầng 1 có giá trị là: 1.109.700.000 đồng. Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 9,2 m2: 10 x 300.000.000 đồng/m2 x 3 = 828.000.000 đồng; 03 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng x 3 = 3.437.583.600 đồng. Tổng cộng là: 5.375.283.600 đồng, tương đương với 17,92m2.

3. Ông Thạch Văn Lợi được phân chia: 1/2 phòng trong tầng 1 có giá trị là: 1.729.800.000 đồng; 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng; Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 276.000.000 đồng; chia phần xây dựng có giá trị là: (18.917.000 đồng : 5) + (159.635.000đồng : 2) = 3.235.262.100 đồng, tương đương với 10,78m2.

4. Ông Thạch Văn Mđược phân chia: 1/2 phòng trong tầng 1 có giá trị là: 1.729.800.000 đồng; 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng; Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 276.000.000 đồng; chia phần xây dựng có giá trị là: (18.917.000 đồng : 5) + (159.635.000đồng : 2) = 3.235.262.100 đồng, tương đương với 10,78m2.

5. Bà Thạch Thị Th được phân chia: 1/2 phòng trong tầng 2 có giá trị là: 1.153.200.000 đồng; 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng; Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 276.000.000 đồng; chia phần xây dựng có giá trị là: (18.917.000 đồng : 5) + (159.635.000đồng : 2) = 2.658.662.100 đồng, tương đương với 8,86m2.

6. Ông Thạch Văn V được phân chia: 1/2 phòng trong tầng 2 có giá trị là: 1.153.200.000 đồng; 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng; Sân chung và khu vệ sinh tại tầng 1 có giá trị là: 276.000.000 đồng; chia phần xây dựng có giá trị là: (18.917.000 đồng : 5) + (159.635.000đồng : 2) + 232.512.000đồng = 2.891.174.100 đồng, tương đương với 9,64m2.

7. Ông C được chia 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng, tương đương với 3,82m2.

8. Ông L1 được chia 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật là: 1.145.861.200 đồng, tương đương với 3,82m2. Bà Th, bà Nh và bà D phải đài thọ cho Ông L1 số tiền là 300.000.000 đồng.

Bà Th, ông C, anh Hải, bà Nh, bà D, Ông L1 và ông V muốn chia tài sản bằng hiện vật vào một khối tương đương với diện tích với 44,06m2.

Như vậy, chia nhà số 9 H làm 2 phần nhà theo tỷ lệ là phù hợp, các đương sự được chia hiện vật phải thanh toán giá trị cho các thừa kế khác bằng giá trị nếu hiện vật có diện tích nhiều hơn.

Chia cho Bà S, anh L, anh Kh, anh H và anh H1 diện tích nhà là: {(1,2m + 1,77m) x 9,23m} + (2,3m x 6,16m) = 27,87m2, phía bên trái từ phố nhìn vào, cạnh nhà số 7 H. Diện tích đất được giao có giá trị là: 27,87m2 x 300.000.000 đồng/m2= 8.361.000.000 đồng. Cho nên, phải thanh toán giá trị cho bà Ngọc và cho ông M.

Chia cho bà Th, ông C, bà T, bà Nh, bà D, Ông L1 và ông V diện tích nhà số 9 H còn lại là: 81,50m2 - 27,87m2 = 53,63 m2, phía bên phải từ phố nhìn vào, cạnh nhà số 11 H. Diện tích đất được giao có giá trị là: 53,63m2 x 300.000.000 đồng/m2= 16.089.000.000 đồng. Cho nên, phải thanh toán giá trị cho ông M.

Các bên đương sự không có đề nghị, yêu cầu gì khác cần xem xét thêm nên tòa không xét.

Theo chúc thư của cụ Ch, cụ T thì còn phần nhà cửa đất cát ở quê, các bên đương sự không đề nghị giải quyết nên tòa không xét.

Các trình bày và đề nghị khác của đương sự không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên tòa án chấp nhận.

Án phí: Bà D, Bà S, bà Th, bà Nh, bà T, ông C, bà Ngọc, Ông L1, ông V không phải chịu án phí vì là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Thông tư 81/TANDTC về việc Hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990 của Hội đồng nhà nước;

- Các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 623; 624; 625; 626; 627; 628; 630; 633; 635; 636; 641; 643; 649; 650; 651; 660; 661; Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Luật đất đai năm 2013;

- Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về án phí:

- Bà D, Bà S, bà Th, bà Nh, bà T, ông C, bà Ngọc, Ông L1, ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Thạch Văn L, anh **Thạch Văn Kh**, anh Thạch Văn H và anh Thạch Văn Hùng mỗi người phải chịu án phí là: 22.532.800 đồng.

- Ông Thạch Văn Mphải chịu án phí là: 96.705.000 đồng.

- Bà Thạch Thị D được hoàn lại số tiền 57.280.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002110 ngày 05/3/2018 bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kháng cáo:

Bà D, bà Th, bà Nh, ông C, bà Ngọc, Ông L1, ông V, anh L, anh Kh, anh H, anh H1, bà Thục Anh, chị Thủy, anh Thắng, anh Hải, chị Thạch Thu Hà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án.

Bà S, chị Phương, chị Quỳnh, chị Tuyết, chị Thu Anh, chị Trang, anh Duy, anh Tuấn, chị Hoa, chị Uyên, chị Hoàng Thị Thu Hà, chị Hương, chị Nga, ông M, chị Hằng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ